Bài trắc nghiệm Vật lý - 200 CÂU TRẮC NGHIỆM

Câu 1 **Theo bài giảng, sức khỏe là tình trạng hoàn chỉnh về những mặt nào?**

A. Chỉ khả năng lao động

B. Chỉ thể chất và không có bệnh

C. Thể chất, tinh thần, môi trường và xã hội

D. Chỉ thể chất và tinh thần

Câu 2 **Theo định nghĩa trong bài, sức khỏe còn đòi hỏi điều gì?**

A. Không cần tham gia hoạt động xã hội

B. Không có bệnh và khuyết tật

C. Không có bất kỳ thay đổi sinh lý nào

D. Không cần thích nghi môi trường

Câu 3 **Phục hồi chức năng (PHCN) được thực hiện bằng các biện pháp nào?**

A. Chỉ dùng thuốc

B. Chỉ phẫu thuật

C. Y học, xã hội, hướng nghiệp và giáo dục

D. Chỉ tập thể dục

Câu 4 **Mục tiêu của PHCN đối với giảm chức năng là gì?**

A. Chỉ cải thiện hình thức bên ngoài

B. Loại bỏ hoàn toàn mọi bệnh lý trong mọi trường hợp

C. Thay thế hoàn toàn chăm sóc y tế

D. Hạn chế tối đa giảm chức năng

Câu 5 **PHCN tạo cơ hội cho người khuyết tật tham gia hoạt động nhằm mục đích gì?**

A. Tách khỏi cộng đồng

B. Chỉ tham gia hoạt động tại bệnh viện

C. Hạn chế giao tiếp

D. Hội nhập và tái hội nhập xã hội

Câu 6 **Một mục đích của PHCN là gì?**

A. Ngăn người bệnh tham gia xã hội

B. Làm tăng tình trạng phụ thuộc

C. Ngăn ngừa thương tật thứ cấp

D. Hạn chế khả năng còn lại

Câu 7 **PHCN hướng đến việc tăng cường điều gì ở người khuyết tật?**

A. Các yếu tố nguy cơ

B. Mức độ phụ thuộc

C. Khả năng còn lại

D. Tình trạng bất động

Câu 8 **Một mục đích của PHCN liên quan đến người bệnh và xã hội là gì?**

A. Tạo tâm lý mặc cảm

B. Thay đổi suy nghĩ, thái độ

C. Làm giảm cơ hội hòa nhập

D. Hạn chế quyền bình đẳng

Câu 9 **Cải thiện điều kiện nào là một mục đích của PHCN?**

A. Môi trường

B. Chỉ môi trường bệnh viện

C. Chỉ điều kiện thời tiết

D. Chỉ môi trường gia đình

Câu 10 **PHCN giáo dục ý thức gì?**

A. Tăng sử dụng thuốc

B. Chỉ phòng bệnh truyền nhiễm

C. Phòng ngừa tàn tật

D. Tránh mọi hoạt động thể lực

Câu 11 **PHCN giúp người khuyết tật đạt được điều gì?**

A. Ngừng tham gia các hoạt động

B. Tách biệt khỏi cộng đồng

C. Phụ thuộc hoàn toàn vào người chăm sóc

D. Thích nghi và hội nhập xã hội

Câu 12 **Theo sơ đồ trong bài, hướng nghiệp thuộc nhóm hoạt động nào?**

A. Các phương thức PHCN

B. Điều trị nội khoa

C. Chẩn đoán hình ảnh

D. Phẫu thuật

Câu 13 **TDTT trong sơ đồ các phương thức PHCN là viết tắt của nội dung nào?**

A. Thực dưỡng trị liệu

B. Thể dục thể thao

C. Thực hành điều dưỡng

D. Thăm dò thần kinh

Câu 14 **Hoạt động trị liệu được thể hiện trong sơ đồ bằng ký hiệu nào?**

A. HĐTL

B. TDTT

C. VLTL

D. LASER

Câu 15 **Âm ngữ trị liệu thuộc nhóm phương thức nào?**

A. Phục hồi chức năng

B. Chẩn đoán hình ảnh

C. Xét nghiệm

D. Điều trị bằng thuốc

Câu 16 **Thủy trị liệu là một phương thức được nêu trong sơ đồ của bài nào?**

A. Điều trị bằng tia hồng ngoại

B. Kéo giãn cột sống

C. Nhiệt trị liệu

D. Đại cương VLTL – PHCN

Câu 17 **Tâm lý trị liệu có được liệt kê trong sơ đồ các phương thức PHCN không?**

A. Không

B. Chỉ dùng trong phẫu thuật

C. Chỉ dùng trong điều trị gãy xương

D. Có

Câu 18 **Điện trị liệu có được liệt kê trong sơ đồ các phương thức PHCN không?**

A. Chỉ là phương pháp chẩn đoán

B. Có

C. Chỉ là một loại thuốc

D. Không

Câu 19 **VLTL trong sơ đồ là viết tắt của nội dung nào?**

A. Vệ sinh trị liệu

B. Viện lâm trị

C. Vận động trị liệu

D. Vật lý trị liệu

Câu 20 **PHCN là viết tắt của cụm từ nào?**

A. Phục hồi cảm giác

B. Phục hồi chức năng

C. Phương pháp chăm sóc

D. Phòng hộ cá nhân

Câu 21 **Mục tiêu hoàn lại tối đa trong PHCN bao gồm những mặt nào?**

A. Chỉ trí nhớ

B. Thực thể, tinh thần và xã hội

C. Chỉ thể lực

D. Chỉ khả năng tự chăm sóc

Câu 22 **Người khuyết tật được PHCN hướng đến cơ hội nào trong cộng đồng?**

A. Bình đẳng

B. Chỉ được tham gia khi có người giám sát

C. Không được tham gia hoạt động

D. Bị hạn chế quyền tham gia

Câu 23 **Theo bài giảng, PHCN có bao gồm biện pháp hướng nghiệp không?**

A. Không

B. Chỉ có ở người cao tuổi

C. Chỉ có ở trẻ em

D. Có

Câu 24 **Theo bài giảng, PHCN có bao gồm biện pháp giáo dục không?**

A. Chỉ có biện pháp dùng thuốc

B. Có

C. Chỉ có biện pháp phẫu thuật

D. Không

Câu 25 **Nội dung nào sau đây phù hợp nhất với mục đích PHCN?**

A. Chỉ điều trị triệu chứng cấp tính

B. Tăng khả năng tham gia và hòa nhập cộng đồng

C. Chỉ kéo dài thời gian nằm viện

D. Hạn chế hoạt động độc lập

Câu 26 **LASER trong slide được giải thích là viết tắt của cụm từ nào?**

A. Light Application by Standard Emission of Rays

B. Low Amplification by Stimulated Energy Reaction

C. Light Amplification by Stimulated Emission of Radiation

D. Light Absorption by Simple Electric Radiation

Câu 27 **Theo dòng giải thích trong slide, LASER được diễn giải bằng tiếng Việt là gì?**

A. Phân tán ánh sáng bằng nhiệt

B. Khuếch đại ánh sáng bằng phát xạ kích thích

C. Khúc xạ ánh sáng bằng cơ học

D. Hấp thụ ánh sáng bằng phản xạ tự nhiên

Câu 28 **Phục hồi chức năng có mục tiêu tạo cơ hội cho người khuyết tật tái hội nhập vào đâu?**

A. Xã hội

B. Chỉ gia đình

C. Chỉ môi trường học đường

D. Chỉ cơ sở điều trị

Câu 29 **Nội dung nào KHÔNG phải mục đích được liệt kê của PHCN?**

A. Cải thiện điều kiện môi trường

B. Ngăn ngừa thương tật thứ cấp

C. Tăng cường khả năng còn lại

D. Làm tăng sự phụ thuộc của người khuyết tật

Câu 30 **Nội dung nào thể hiện đúng tinh thần bình đẳng trong PHCN?**

A. Tách người khuyết tật khỏi cộng đồng

B. Không khuyến khích người khuyết tật tự lập

C. Chỉ ưu tiên điều trị tại bệnh viện

D. Tạo cơ hội tham gia hoạt động trong cộng đồng

Câu 31 **Về bản chất, ánh sáng là dạng gì?**

A. Sóng điện từ

B. Dòng điện một chiều

C. Sóng âm

D. Dao động cơ học

Câu 32 **Theo bài giảng, dải bước sóng ánh sáng được nêu khoảng bao nhiêu?**

A. 360 nm đến 400 nm

B. 10 nm đến 10 cm

C. 760 nm đến 1.000.000 nm

D. 400.000 nm đến 10 nm

Câu 33 **Ánh sáng nhìn thấy có bước sóng khoảng bao nhiêu theo bài?**

A. 760–400.000 nm

B. 1.000–10.000 nm

C. 10–360 nm

D. 360–760 nm

Câu 34 **Bức xạ tử ngoại có bước sóng khoảng bao nhiêu theo bài?**

A. 760–400.000 nm

B. 400.000–500.000 nm

C. 10–360 nm

D. 360–760 nm

Câu 35 **Bức xạ hồng ngoại có bước sóng dài hơn hay ngắn hơn ánh sáng nhìn thấy?**

A. Không có liên quan

B. Bằng nhau

C. Dài hơn

D. Ngắn hơn

Câu 36 **Theo phần phân chia ánh sáng, tia hồng ngoại có bước sóng khoảng bao nhiêu?**

A. 360–760 nm

B. 10–100 nm

C. 10–360 nm

D. 760–400.000 nm

Câu 37 **Theo slide điều trị, tia hồng ngoại có bước sóng được ghi là bao nhiêu?**

A. 770–400.000 nm

B. 100–500 nm

C. 10–360 nm

D. 360–760 nm

Câu 38 **Nguồn hồng ngoại thiên nhiên được nêu trong bài là gì?**

A. Ánh sáng mặt trời

B. Sóng vô tuyến

C. Tia X

D. Ánh sáng đèn huỳnh quang

Câu 39 **Nguồn hồng ngoại thiên nhiên chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm ánh sáng mặt trời theo bài?**

A. 30%

B. 50%

C. 5%

D. 15%

Câu 40 **Nguồn hồng ngoại nhân tạo thường dùng trong bài là gì?**

A. Máy điện tim

B. Đèn tử ngoại

C. Máy siêu âm

D. Đèn hồng ngoại

Câu 41 **Đèn hồng ngoại nhân tạo trong bài có bước sóng khoảng bao nhiêu?**

A. 1.000 nm

B. 360 nm

C. 400.000 nm

D. 100 nm

Câu 42 **Tác dụng chủ yếu của tia hồng ngoại là gì?**

A. Tác dụng hóa học thuần túy

B. Tác dụng nhiệt

C. Tác dụng ion hóa

D. Tác dụng từ

Câu 43 **Tia hồng ngoại gây thay đổi gì ở vùng da được chiếu?**

A. Giãn mạch và đỏ da

B. Tạo sắc tố đen vĩnh viễn

C. Mất hoàn toàn cảm giác

D. Co mạch và tím da kéo dài

Câu 44 **Hiện tượng đỏ da do tia hồng ngoại thường diễn biến thế nào sau khi ngừng chiếu?**

A. Lan rộng không hồi phục

B. Tồn tại vĩnh viễn

C. Chuyển thành da đen

D. Hết nhanh

Câu 45 **Theo bài, tia hồng ngoại thuộc loại nhiệt nào về độ sâu tác động?**

A. Nhiệt sâu trên 10 cm

B. Nhiệt nông, không quá 2 cm

C. Nhiệt sâu 5–8 cm

D. Không có tác dụng nhiệt

Câu 46 **Tác động của nhiệt hồng ngoại lên tuần hoàn là gì?**

A. Làm ngừng tuần hoàn tại chỗ

B. Giãn mạch, tăng dòng máu

C. Không thay đổi tuần hoàn

D. Co mạch, giảm dòng máu

Câu 47 **Tia hồng ngoại ảnh hưởng thế nào đến tính thấm thành mạch?**

A. Làm mất hoàn toàn tính thấm

B. Giảm tính thấm

C. Không thay đổi

D. Tăng tính thấm

Câu 48 **Tia hồng ngoại ảnh hưởng thế nào đến hoạt tính bạch cầu theo bài?**

A. Không ảnh hưởng

B. Tăng hoạt tính

C. Giảm hoạt tính

D. Làm mất bạch cầu

Câu 49 **Tác động của tia hồng ngoại lên chuyển hóa là gì?**

A. Không ảnh hưởng

B. Tăng chuyển hóa

C. Ngừng chuyển hóa

D. Giảm chuyển hóa

Câu 50 **Tia hồng ngoại tác động lên mô liên kết bằng cách nào?**

A. Giảm độ nhớt và tăng đàn hồi

B. Tăng độ nhớt và giảm đàn hồi

C. Làm mô liên kết mất hoàn toàn tính đàn hồi

D. Không ảnh hưởng mô liên kết

Câu 51 **Tia hồng ngoại có tác dụng gì đối với co cứng?**

A. Không thay đổi

B. Gây co cứng vĩnh viễn

C. Tăng co cứng

D. Giảm co cứng

Câu 52 **Tia hồng ngoại có tác dụng gì đối với đau?**

A. Tăng đau kéo dài

B. Chỉ gây tê hoàn toàn

C. Không ảnh hưởng

D. Giảm đau

Câu 53 **Tác động của tia hồng ngoại lên thần kinh cơ là gì?**

A. Làm tăng co rút cơ

B. Tăng co cứng cơ

C. Giảm co cứng cơ

D. Gây liệt cơ

Câu 54 **Viêm nhiễm phần mềm có thể được chỉ định chiếu hồng ngoại ở giai đoạn nào?**

A. Đang chảy máu

B. Có khối u tại chỗ

C. Đang hóa mủ chưa dẫn lưu

D. Chưa hóa mủ

Câu 55 **Sau khi ổ viêm đã hóa mủ, trường hợp nào có thể được cân nhắc theo chỉ định trong bài?**

A. Khi chưa tháo mủ

B. Sau khi đã chích rạch tháo mủ

C. Khi có khối u ác tính

D. Khi đang chảy máu

Câu 56 **Chiếu hồng ngoại có thể được dùng để chuẩn bị cho hoạt động nào?**

A. Phẫu thuật cấp cứu mọi trường hợp

B. Chụp X-quang

C. Xét nghiệm máu

D. Tập vận động

Câu 57 **Tình trạng nào thuộc chỉ định của tia hồng ngoại?**

A. Ổ viêm đã hóa mủ

B. Vùng da mất cảm giác

C. Vết thương đang chảy máu

D. Dị ứng do lạnh, lạnh cóng

Câu 58 **Theo bài, chấn thương có thể được chỉ định chiếu hồng ngoại sau khoảng thời gian nào?**

A. Ngay lập tức trong vài phút đầu

B. Chỉ sau 30 ngày

C. Sau 48 giờ

D. Trong 6 giờ đầu

Câu 59 **Tia hồng ngoại có thể được dùng để dự phòng tình trạng nào?**

A. Xuất huyết

B. Loét

C. Trật khớp

D. Gãy xương

Câu 60 **Tia hồng ngoại có thể hỗ trợ đối với loại vết thương nào?**

A. Vết thương lâu liền

B. Vết thương đang chảy máu nhiều

C. Vết thương có khối u ác tính

D. Vết thương nhiễm trùng đã hóa mủ chưa xử trí

Câu 61 **Một chỉ định giảm đau được nêu trong bài là đau do nguyên nhân nào?**

A. Thần kinh ngoại vi

B. Xuất huyết cấp

C. Gãy xương chưa ổn định

D. Khối u ác tính

Câu 62 **Ví dụ về đau do căn nguyên thần kinh ngoại vi trong bài là gì?**

A. Đau do viêm ruột thừa

B. Đau bụng cấp

C. Đau dây thần kinh hông to

D. Đau do xuất huyết tiêu hóa

Câu 63 **Tia hồng ngoại có thể được chỉ định trong trường hợp nào của hệ vận động?**

A. Co rút cơ trong liệt cứng

B. Trật khớp chưa nắn

C. Mất vững cột sống

D. Gãy xương mới

Câu 64 **Viêm khớp dạng thấp có thể được chỉ định chiếu hồng ngoại ở giai đoạn nào?**

A. Giai đoạn nhiễm khuẩn hóa mủ

B. Bán cấp và mạn tính

C. Cấp tính có chảy máu

D. Mọi giai đoạn không cần đánh giá

Câu 65 **Trường hợp nào là chống chỉ định của tia hồng ngoại?**

A. Chuẩn bị tập vận động

B. Vết thương đang chảy máu

C. Lạnh cóng

D. Đau thắt lưng mạn tính

Câu 66 **Tại sao không chiếu hồng ngoại trực tiếp vào mắt?**

A. Vì làm tăng thị lực quá mức

B. Vì làm giảm thân nhiệt

C. Vì gây co mạch ở chân

D. Có nguy cơ tổn thương mắt

Câu 67 **Vùng da mất cảm giác có ý nghĩa gì khi điều trị hồng ngoại?**

A. Không cần lưu ý

B. Là chỉ định bắt buộc

C. Là dấu hiệu phải tăng nhiệt

D. Là chống chỉ định

Câu 68 **Ổ viêm đã hóa mủ thuộc nhóm nào khi điều trị hồng ngoại?**

A. Chỉ định toàn thân

B. Chỉ định thường quy

C. Không liên quan

D. Chống chỉ định

Câu 69 **Khối u lành hoặc ác tính tại vùng điều trị được xếp vào nhóm nào?**

A. Chỉ định

B. Chống chỉ định

C. Chỉ định khi chiếu lâu

D. Không cần đánh giá

Câu 70 **Chấn thương mới thuộc nhóm nào khi điều trị tia hồng ngoại?**

A. Chỉ định ngay

B. Không có ý nghĩa

C. Chống chỉ định

D. Chỉ định toàn thân

Câu 71 **Vùng đang chảy máu hoặc đe dọa xuất huyết có được chiếu hồng ngoại không?**

A. Không

B. Có, chiếu cường độ cao

C. Có, nếu đặt đèn gần

D. Có, nếu tăng thời gian

Câu 72 **Với vùng điều trị còn cảm giác, kỹ thuật theo dõi dựa vào đâu?**

A. Cảm giác của bệnh nhân

B. Không cần theo dõi

C. Chỉ dựa vào đồng hồ

D. Chỉ dựa vào màu sắc quần áo

Câu 73 **Với vùng điều trị mất cảm giác, bài giảng nêu cần dựa vào đâu?**

A. Chỉ dựa vào nhiệt kế phòng

B. Vùng da còn cảm giác hoặc cảm giác của kỹ thuật viên

C. Chỉ dựa vào cảm giác của người bệnh

D. Không cần đánh giá

Câu 74 **Tia hồng ngoại nên chiếu theo hướng nào so với vùng điều trị?**

A. Xiên 5 độ

B. Không có hướng cố định

C. Song song sát mặt da

D. Thẳng góc

Câu 75 **Khoảng cách đèn đến vùng điều trị được nêu trong bài là bao nhiêu?**

A. 5–10 cm

B. 50–70 cm

C. 100–150 cm

D. 10–20 cm

Câu 76 **Nhiệt là đại lượng vật lý đặc trưng cho điều gì?**

A. Khối lượng vật chất

B. Màu sắc vật chất

C. Mức độ nóng lạnh của vật chất

D. Thể tích vật chất

Câu 77 **Các quá trình chuyển động bên trong vật chất liên quan chặt chẽ với đại lượng nào?**

A. Áp suất khí quyển

B. Độ sáng

C. Độ ẩm

D. Nhiệt độ

Câu 78 **Khi chuyển động bên trong vật chất tăng, nhiệt độ thường thay đổi thế nào theo bài?**

A. Không đổi

B. Giảm

C. Bằng 0

D. Tăng

Câu 79 **Khi nhiệt độ vật chất tăng, chuyển động của các nguyên tử và phân tử cấu tạo nên vật chất sẽ thế nào?**

A. Ngừng lại

B. Tăng

C. Giảm

D. Không liên quan

Câu 80 **Đơn vị Fahrenheit được sử dụng ở khu vực nào theo bài giảng?**

A. Chỉ Nhật Bản

B. Châu Âu và Mỹ

C. Hệ đo lường quốc tế

D. Chỉ Việt Nam

Câu 81 **Việt Nam sử dụng đơn vị nhiệt độ nào theo bài?**

A. Nanomet

B. Độ K בלבד

C. Độ F

D. Độ C

Câu 82 **Hệ đo lường quốc tế sử dụng đơn vị nhiệt độ nào?**

A. Fahrenheit

B. Kelvin

C. Joule

D. Celsius

Câu 83 **Để một phản ứng hóa học xảy ra, điều kiện thứ nhất là gì?**

A. Có ánh sáng nhìn thấy

B. Có sự co cơ

C. Có dòng máu chảy nhanh

D. Có sự va chạm của các hạt tham gia phản ứng

Câu 84 **Điều kiện thứ hai để phản ứng xảy ra là gì?**

A. Các hạt phải có nhiệt độ bằng 0

B. Các hạt có năng lượng bằng hoặc lớn hơn năng lượng hoạt hóa

C. Các hạt phải đứng yên

D. Các hạt không được va chạm

Câu 85 **Nhiệt độ tăng thường làm vận tốc phản ứng hóa học thay đổi thế nào?**

A. Giảm

B. Không đổi

C. Tăng

D. Dừng hoàn toàn

Câu 86 **Nhiệt độ giảm thường làm vận tốc phản ứng thay đổi thế nào?**

A. Giảm

B. Tăng

C. Tăng vô hạn

D. Không đổi

Câu 87 **Vì sao sự tăng phản ứng sinh học do nhiệt có giới hạn?**

A. Vì mọi enzyme đều là chất vô cơ

B. Vì cơ thể không có nước

C. Vì phản ứng sinh học có sự tham gia của enzyme là protein

D. Vì nhiệt không tác động lên cơ thể

Câu 88 **Nhiệt nóng tác động lên tuần hoàn như thế nào?**

A. Co mạch, giảm dòng máu và giảm tính thấm

B. Giãn mạch, tăng dòng máu và tăng tính thấm

C. Chỉ làm giảm nhịp thở

D. Ngừng tuần hoàn

Câu 89 **Nhiệt lạnh tác động lên mạch máu như thế nào?**

A. Co mạch

B. Làm vỡ mạch máu

C. Giãn mạch mạnh

D. Không thay đổi

Câu 90 **Nhiệt nóng ảnh hưởng đến chuyển hóa như thế nào?**

A. Ngừng chuyển hóa

B. Giảm chuyển hóa và giảm tiêu thụ oxy

C. Tăng chuyển hóa và tăng tiêu thụ oxy

D. Không ảnh hưởng

Câu 91 **Nhiệt lạnh ảnh hưởng đến chuyển hóa như thế nào?**

A. Tăng chuyển hóa và tăng tiêu thụ oxy

B. Tăng tiêu thụ oxy vô hạn

C. Giảm chuyển hóa và giảm tiêu thụ oxy

D. Không ảnh hưởng

Câu 92 **Nhiệt nóng tác động lên mô liên kết bằng cách nào?**

A. Tăng độ nhớt, giảm đàn hồi

B. Không tác động

C. Làm mất hoàn toàn mô liên kết

D. Giảm độ nhớt, tăng đàn hồi

Câu 93 **Nhiệt lạnh tác động lên mô liên kết như thế nào?**

A. Làm tăng tính đàn hồi

B. Giảm độ nhớt, tăng đàn hồi

C. Không thay đổi

D. Tăng độ nhớt, giảm đàn hồi

Câu 94 **Nhiệt nóng có tác dụng gì đối với co cứng?**

A. Tăng co cứng

B. Gây co cứng kéo dài

C. Không thay đổi

D. Giảm co cứng

Câu 95 **Nhiệt lạnh tác động lên co cứng như thế nào?**

A. Có thể làm tăng co cứng

B. Luôn làm giảm co cứng

C. Không ảnh hưởng

D. Làm mất trương lực vĩnh viễn

Câu 96 **Tác động của nhiệt nóng lên đau là gì?**

A. Giảm đau

B. Tăng đau kéo dài

C. Chỉ gây tê hoàn toàn

D. Không ảnh hưởng

Câu 97 **Theo bài, tác động của nhiệt lạnh lên đau diễn biến thế nào?**

A. Lúc đầu đau tăng, về sau giảm đau

B. Đau tăng liên tục

C. Luôn không đau

D. Lúc đầu giảm đau, về sau tăng đau

Câu 98 **Nhiệt nóng tác động lên thần kinh cơ như thế nào?**

A. Tăng co rút cơ

B. Không ảnh hưởng

C. Giảm co rút cơ

D. Gây liệt cơ

Câu 99 **Nhiệt lạnh tác động lên thần kinh cơ như thế nào?**

A. Giảm co rút cơ

B. Tăng co rút cơ

C. Làm mất phản xạ vĩnh viễn

D. Không ảnh hưởng

Câu 100 **Nhiệt có thể gây phản ứng ở đâu theo bài giảng?**

A. Chỉ ở thận

B. Chỉ ở hệ tiêu hóa

C. Chỉ ở da đầu

D. Tại chỗ và cùng đốt đoạn thần kinh

Câu 101 **Một chỉ định tại chỗ của nhiệt nóng là gì?**

A. Ổ viêm đã hóa mủ

B. Cần tăng tuần hoàn và dinh dưỡng tại một vùng

C. Vùng đang chảy máu

D. Vùng da mất cảm giác

Câu 102 **Nhiệt nóng tại chỗ có thể được dùng nhằm tăng khả năng nào?**

A. Chống viêm tại chỗ

B. Gây xuất huyết

C. Tạo khối u

D. Làm giảm dinh dưỡng mô

Câu 103 **Nhiệt nóng có thể giúp giảm những triệu chứng nào sau chấn thương?**

A. Chảy máu cấp

B. Đau, co rút cơ và phù nề

C. Gãy xương di lệch

D. Mất ý thức

Câu 104 **Nhiệt nóng có thể được dùng để làm mềm cấu trúc nào?**

A. Sẹo

B. Xương

C. Móng

D. Răng

Câu 105 **Một chỉ định toàn thân của nhiệt nóng là gì?**

A. Điều trị xuất huyết cấp

B. Điều trị khối u ác tính

C. Điều trị lao xương

D. Tăng thải mồ hôi trong giai đoạn hồi phục sau bệnh

Câu 106 **Tắm hơi khô hoặc hơi nóng được nêu trong bài nhằm mục đích nào?**

A. Tăng thải mồ hôi

B. Giảm tiết mồ hôi

C. Làm đông máu

D. Giảm tuần hoàn

Câu 107 **Tắm hơi nước nóng sau lao động gắng sức có thể giúp gì?**

A. Gây mất nước có chủ đích

B. Làm giảm tuần hoàn

C. Tăng co cứng cơ

D. Giảm mệt mỏi, tăng sức khỏe

Câu 108 **Nhiệt nóng toàn thân có thể được chỉ định trong trường hợp nào?**

A. Lạnh cóng hoặc dị ứng do lạnh

B. Ổ viêm hóa mủ

C. Suy tim giai đoạn cuối

D. Đang xuất huyết

Câu 109 **Trong hệ vận động, nhiệt nóng có thể được chỉ định để làm gì?**

A. Giảm đau, co rút và co cứng cơ

B. Làm nặng thêm cứng khớp

C. Tăng co cứng cơ

D. Điều trị gãy xương mới

Câu 110 **Viêm bán cấp và mạn tính thuộc nhóm nào trong bài về nhiệt nóng?**

A. Không được đề cập

B. Chỉ định

C. Tai biến

D. Chống chỉ định tuyệt đối

Câu 111 **Ổ viêm đã hóa mủ khi điều trị nhiệt nóng thuộc nhóm nào?**

A. Chống chỉ định

B. Chỉ định

C. Chỉ định toàn thân

D. Không cần lưu ý

Câu 112 **Khối u lành tính và ác tính được xếp vào nhóm nào khi điều trị nhiệt nóng?**

A. Chống chỉ định

B. Chỉ định toàn thân

C. Chỉ định tại chỗ

D. Không có liên quan

Câu 113 **Lao xương và lao khớp là chống chỉ định của phương pháp nào?**

A. Chỉ nhiệt lạnh

B. Chỉ xoa bóp

C. Chỉ tập vận động

D. Nhiệt nóng

Câu 114 **Trong 3 ngày đầu sau chấn thương, nhiệt nóng được xếp vào nhóm nào?**

A. Không có giới hạn

B. Chống chỉ định

C. Chỉ định toàn thân

D. Chỉ định

Câu 115 **Vùng đang chảy máu hoặc đe dọa chảy máu có được điều trị bằng nhiệt nóng không?**

A. Có, nếu dùng toàn thân

B. Không

C. Có, nếu kéo dài thời gian

D. Có, nếu tăng nhiệt

Câu 116 **Suy tim, gan hoặc thận giai đoạn cuối là chống chỉ định của loại điều trị nhiệt nóng nào?**

A. Chỉ điều trị tại chỗ ở bàn tay

B. Chỉ điều trị vùng cổ

C. Điều trị toàn thân

D. Không phải chống chỉ định

Câu 117 **Vùng da mất cảm giác thuộc nhóm nào khi điều trị nhiệt nóng?**

A. Chỉ định bắt buộc

B. Chống chỉ định

C. Không cần quan tâm

D. Chỉ định toàn thân

Câu 118 **Chỉ định hạ nhiệt tại chỗ được nêu trong bài là gì?**

A. Làm mềm sẹo

B. Giảm co cứng

C. Hạ sốt

D. Tăng tuần hoàn

Câu 119 **Chấn thương mới thuộc chỉ định của phương pháp nhiệt nào?**

A. Nhiệt lạnh

B. Nhiệt nóng trong 3 ngày đầu

C. Nhiệt nóng toàn thân

D. Nhiệt nóng và lạnh xen kẽ ngay lập tức

Câu 120 **Hạ nhiệt toàn thân có thể được sử dụng trong loại phẫu thuật nào?**

A. Chỉ phẫu thuật mắt

B. Phẫu thuật tim và phẫu thuật lớn có tuần hoàn ngoài cơ thể

C. Phẫu thuật da nhỏ thông thường

D. Mọi thủ thuật ngoại trú

Câu 121 **Hạ nhiệt toàn thân được nêu trong bài cho trường hợp nào khác?**

A. Đau cơ sau tập luyện

B. Suy đa tạng

C. Viêm da nhẹ

D. Sẹo co kéo

Câu 122 **Hạ nhiệt toàn thân còn được dùng trong mục đích nào?**

A. Làm mềm sẹo

B. Tăng đàn hồi mô

C. Bảo quản tạng ghép

D. Tăng thải mồ hôi

Câu 123 **Vùng thiếu nuôi dưỡng là chống chỉ định của phương pháp nào?**

A. Nhiệt nóng

B. Nhiệt lạnh

C. Chỉ paraffin

D. Chỉ nhiệt nóng lạnh xen kẽ

Câu 124 **Vùng sẹo co kéo là chống chỉ định của phương pháp nào?**

A. Điều trị bằng tia hồng ngoại trong mọi trường hợp

B. Nhiệt lạnh

C. Nhiệt nóng

D. Kéo giãn cột sống

Câu 125 **Vùng co rút cơ là chống chỉ định của phương pháp nào?**

A. Nhiệt nóng lạnh xen kẽ

B. Nhiệt nóng

C. Tắm hơi

D. Nhiệt lạnh

Câu 126 **Nhiệt nóng lạnh xen kẽ được chỉ định ở vùng có đặc điểm nào?**

A. Có khối u

B. Có tổn thương lao

C. Lưu thông máu chậm

D. Đang chảy máu

Câu 127 **Co rút cơ và cứng khớp thuộc chỉ định của phương pháp nào?**

A. Không phương pháp nào

B. Hạ nhiệt toàn thân

C. Nhiệt nóng lạnh xen kẽ

D. Nhiệt lạnh đơn thuần

Câu 128 **Sưng nề sau chấn thương được chỉ định nhiệt nóng lạnh xen kẽ vào thời điểm nào theo bài?**

A. Ngay trong vài phút đầu

B. Sau 3 ngày kể từ chấn thương

C. Chỉ sau 1 tháng

D. Trong 6 giờ đầu

Câu 129 **Vùng đang chảy máu là chống chỉ định của phương pháp nào?**

A. Chỉ nhiệt lạnh

B. Không có phương pháp nào

C. Chỉ xoa bóp nước đá

D. Nhiệt nóng lạnh xen kẽ

Câu 130 **Vùng xuất huyết mới có được điều trị nhiệt nóng lạnh xen kẽ không?**

A. Không

B. Có, ngay lập tức

C. Có, nếu kéo dài 35 phút

D. Có, nếu tăng nhiệt độ

Câu 131 **Cột sống được hình thành do các đốt sống như thế nào?**

A. Tách rời hoàn toàn

B. Không có liên kết

C. Khớp liên tục với nhau

D. Chỉ nối với nhau bằng cơ

Câu 132 **Giữa hai đốt sống có cấu trúc nào?**

A. Sụn chêm

B. Bao hoạt dịch

C. Đĩa đệm

D. Dây thần kinh ngoại biên

Câu 133 **Theo bài, cột sống có tổng cộng khoảng bao nhiêu đốt sống?**

A. 20–22 đốt

B. 25–27 đốt

C. 33–35 đốt

D. 40–45 đốt

Câu 134 **Cột sống cổ có bao nhiêu đốt sống?**

A. 12

B. 4

C. 5

D. 7

Câu 135 **Cột sống ngực có bao nhiêu đốt sống?**

A. 7

B. 12

C. 6

D. 5

Câu 136 **Cột sống thắt lưng có bao nhiêu đốt sống?**

A. 12

B. 4

C. 7

D. 5

Câu 137 **Đoạn xương cùng có bao nhiêu đốt sống theo bài?**

A. 7

B. 12

C. 4–6

D. 5

Câu 138 **Đoạn xương cụt có khoảng bao nhiêu đốt sống?**

A. 4–6

B. 7

C. 12

D. 5

Câu 139 **Đoạn cổ có đường cong sinh lý lồi về phía nào?**

A. Phía sau

B. Sang trái

C. Phía trước

D. Sang phải

Câu 140 **Đoạn ngực có đường cong sinh lý lồi về phía nào?**

A. Sang trái

B. Sang phải

C. Phía trước

D. Phía sau

Câu 141 **Đoạn thắt lưng có đường cong sinh lý như thế nào?**

A. Không cong

B. Hơi lồi ra trước

C. Lồi ra sau

D. Lồi sang trái

Câu 142 **Cột sống có bao nhiêu đoạn cong sinh lý được nêu trong bài?**

A. 4

B. 3

C. 2

D. 5

Câu 143 **Theo bài, cột sống có bao nhiêu đĩa đệm?**

A. 35

B. 33

C. 23

D. 12

Câu 144 **Chiều cao đĩa đệm vùng cổ ở người trưởng thành khoảng bao nhiêu?**

A. 3 mm

B. 12 mm

C. 5 mm

D. 9 mm

Câu 145 **Chiều cao đĩa đệm vùng ngực ở người trưởng thành khoảng bao nhiêu?**

A. 12 mm

B. 3 mm

C. 5 mm

D. 9 mm

Câu 146 **Chiều cao đĩa đệm vùng thắt lưng ở người trưởng thành khoảng bao nhiêu?**

A. 12 mm

B. 9 mm

C. 3 mm

D. 5 mm

Câu 147 **Theo bài, chiều cao đĩa đệm phía nào cao hơn?**

A. Không có khác biệt ở mọi đĩa đệm

B. Hai phía bằng nhau

C. Phía trước

D. Phía sau

Câu 148 **Đĩa đệm được cấu tạo gồm mấy phần?**

A. 4 phần

B. 3 phần

C. 2 phần

D. 5 phần

Câu 149 **Nhân nhầy có hình dạng nào?**

A. Hình trụ dài

B. Hình lập phương

C. Hình cầu hoặc bầu dục

D. Hình tam giác

Câu 150 **Nhân nhầy chứa khoảng bao nhiêu phần trăm nước?**

A. 100%

B. 50%

C. 20%

D. 80%

Câu 151 **Đặc tính của nhân nhầy là gì?**

A. Không chứa nước

B. Có khả năng hút nước

C. Có nhiều mạch máu

D. Có nhiều thần kinh

Câu 152 **Theo bài, nhân nhầy có mạch máu và thần kinh không?**

A. Chỉ có mạch máu

B. Có rất nhiều

C. Không có

D. Chỉ có thần kinh

Câu 153 **Khi cúi, nghiêng hoặc ưỡn, nhân nhầy di chuyển như thế nào?**

A. Dồn lệch về phía đối diện

B. Luôn dồn về phía trước

C. Không di chuyển

D. Luôn dồn về phía sau

Câu 154 **Vòng sợi được cấu tạo chủ yếu từ chất nào?**

A. Sợi cơ trơn

B. Các sợi collagen

C. Mô mỡ

D. Sợi elastin đơn thuần

Câu 155 **Vòng sợi có cấu trúc như thế nào?**

A. Các vòng tròn đồng tâm

B. Một khoang rỗng

C. Một khối xương đặc

D. Các tấm song song rời rạc

Câu 156 **Đặc tính của vòng sợi là gì?**

A. Không có collagen

B. Có nhiều mạch máu

C. Mềm, dễ vỡ và không đàn hồi

D. Rất chắc và đàn hồi

Câu 157 **Vòng sợi có mức độ được nuôi dưỡng và chi phối thần kinh như thế nào?**

A. Rất ít máu nuôi và thần kinh

B. Chỉ có thần kinh

C. Chỉ có mạch máu

D. Rất nhiều mạch máu và thần kinh

Câu 158 **Tấm sụn của đĩa đệm gồm những tấm nào?**

A. Một tấm ở giữa nhân nhầy

B. Một tấm ở mặt dưới đốt sống trên và một tấm ở mặt trên đốt sống dưới

C. Hai tấm ở mặt trước đốt sống

D. Hai tấm ở mặt sau đốt sống

Câu 159 **Khi vận động, vòng sợi có đặc điểm gì?**

A. Không thay đổi

B. Mất hoàn toàn tính đàn hồi

C. Chun giãn

D. Hóa xương

Câu 160 **Khi nằm thoải mái, áp lực nội đĩa đệm theo bài khoảng bao nhiêu?**

A. 150 kg

B. 25 kg

C. 200 kg

D. 100 kg

Câu 161 **Khi đứng thẳng, áp lực nội đĩa đệm theo bài khoảng bao nhiêu?**

A. 275 kg

B. 100 kg

C. 25 kg

D. 150 kg

Câu 162 **Khi ngồi thẳng, áp lực nội đĩa đệm theo bài khoảng bao nhiêu?**

A. 25 kg

B. 150 kg

C. 200 kg

D. 100 kg

Câu 163 **Khi ngồi cúi ra trước, áp lực nội đĩa đệm theo bài khoảng bao nhiêu?**

A. 150 kg

B. 200 kg

C. 100 kg

D. 25 kg

Câu 164 **Khi ngồi cúi ra trước và xách tay 20 kg, áp lực nội đĩa đệm khoảng bao nhiêu?**

A. 200 kg

B. 150 kg

C. 275 kg

D. 100 kg

Câu 165 **Ho, hắt hơi hoặc cười làm áp lực nội đĩa đệm tăng thêm khoảng bao nhiêu theo bài?**

A. 10 kg

B. 50 kg

C. 100 kg

D. 25 kg

Câu 166 **Kéo giãn cột sống là phương pháp sử dụng loại lực nào?**

A. Bức xạ ion hóa

B. Từ trường

C. Lực kéo cơ học

D. Lực hóa học

Câu 167 **Kéo giãn cột sống tác động lên những vùng nào?**

A. Chỉ bàn chân

B. Chỉ khớp gối

C. Chỉ khớp vai

D. Cột sống cổ hoặc lưng

Câu 168 **Một tác động cơ học của kéo giãn cột sống là gì?**

A. Làm tăng áp lực nội đĩa đệm

B. Tách các mặt khớp

C. Làm xẹp hoàn toàn đĩa đệm

D. Làm dính các mặt khớp

Câu 169 **Kéo giãn cột sống có tác dụng gì lên mô mềm xung quanh?**

A. Làm hoại tử mô mềm

B. Kéo dài mô mềm

C. Làm ngắn mô mềm

D. Không tác động

Câu 170 **Kéo giãn cột sống có thể được thực hiện bằng cách nào?**

A. Chỉ bằng phẫu thuật

B. Bằng tay hoặc máy

C. Chỉ bằng thuốc

D. Chỉ bằng tia hồng ngoại

Câu 171 **Tác dụng cơ học của kéo giãn lên áp lực nội đĩa đệm là gì?**

A. Làm giảm áp lực

B. Làm áp lực bằng 0 trong mọi trường hợp

C. Không thay đổi áp lực

D. Làm tăng áp lực

Câu 172 **Kéo giãn giúp tăng quá trình nào vào đĩa đệm?**

A. Lắng đọng mỡ

B. Xuất huyết

C. Vôi hóa

D. Thấm dịch

Câu 173 **Kéo giãn có thể làm thay đổi thể tích của đĩa đệm lồi hoặc thoát vị như thế nào?**

A. Tăng thể tích

B. Không thay đổi

C. Làm đĩa đệm biến mất

D. Thu nhỏ thể tích

Câu 174 **Kéo giãn có thể giúp điều chỉnh điều gì?**

A. Sai lệch khớp đốt sống và cột sống

B. Gãy xương cấp

C. Khối u cột sống

D. Nhiễm khuẩn toàn thân

Câu 175 **Kéo giãn làm giảm chèn ép thần kinh nhờ cơ chế nào?**

A. Làm hẹp lỗ liên hợp

B. Tăng đường kính dọc lỗ liên hợp đốt sống

C. Làm co ngắn cơ

D. Tăng áp lực nội đĩa đệm

Câu 176 **Kéo giãn cột sống có tác dụng gì lên cơ?**

A. Làm cơ mất hoàn toàn trương lực

B. Làm co cơ tối đa

C. Làm giãn cơ thụ động

D. Gây teo cơ

Câu 177 **Một tác dụng lâm sàng của kéo giãn là gì?**

A. Làm tăng chèn ép rễ thần kinh

B. Gây yếu liệt

C. Giảm hội chứng đau cột sống

D. Làm tăng đau cột sống

Câu 178 **Kéo giãn có thể giúp giảm hội chứng nào?**

A. Suy tim

B. Chèn ép rễ thần kinh

C. Suy thận

D. Viêm phổi

Câu 179 **Theo bài, kéo giãn có thể làm giảm tình trạng nào của cột sống?**

A. Cong vẹo cột sống

B. Gãy xương mới

C. Ung thư cột sống

D. Lao cột sống

Câu 180 **Kéo giãn có tác dụng gì đối với co cứng cơ?**

A. Không ảnh hưởng

B. Tăng co cứng cơ

C. Gây co cứng vĩnh viễn

D. Giảm co cứng cơ

Câu 181 **Kéo giãn giúp tăng khả năng nào của cột sống?**

A. Mất đường cong sinh lý

B. Vận động linh hoạt

C. Chịu tải vô hạn

D. Bất động hoàn toàn

Câu 182 **Thời gian tối đa của các phương pháp kéo giãn đơn giản được nêu là bao lâu?**

A. 30 phút

B. 90 phút

C. 60 phút

D. 10 phút

Câu 183 **Kéo bằng chính trọng lực bệnh nhân có nhược điểm nào?**

A. Xác định lực kéo rất chính xác

B. Luôn kéo ngắt quãng

C. Không xác định được lực kéo

D. Có thể chọn lọc hoàn toàn từng đốt sống

Câu 184 **Một nhược điểm khác của kéo bằng trọng lực bệnh nhân là gì?**

A. Không cần tư thế

B. Không gây khó chịu

C. Không tạo lực kéo

D. Kéo không chọn lọc

Câu 185 **Kéo bằng trọng lực bệnh nhân có thể gây vấn đề gì cho người bệnh?**

A. Tăng khả năng vận động ngay lập tức

B. Không có cảm giác gì

C. Luôn dễ chịu

D. Khó chịu

Câu 186 **Kéo bằng trọng lực bệnh nhân thường có đặc điểm nào?**

A. Không có lực kéo

B. Kéo ngắt quãng có lập trình

C. Kéo liên tục

D. Chỉ kéo trong 5 giây

Câu 187 **Kéo dãn bằng lực đối trọng có nhược điểm nào được nêu?**

A. Chỉ kéo ngắt quãng

B. Không xác định được lực kéo và kéo liên tục

C. Không tạo lực cơ học

D. Luôn xác định chính xác lực kéo

Câu 188 **Kéo dãn dưới nước có nhược điểm nào theo bài?**

A. Không xác định được lực kéo và kéo liên tục

B. Luôn kéo chọn lọc

C. Không thể tác động lên cột sống

D. Chỉ gây lực nén

Câu 189 **Kéo bằng bàn kéo có mô tơ có nhược điểm nào được nêu?**

A. Không có mô tơ

B. Không thể điều chỉnh tư thế

C. Chỉ dùng được dưới nước

D. Kéo liên tục

Câu 190 **Kéo dãn kiểu xung lực gồm các thành phần nào được biểu diễn trong bài?**

A. Chỉ lực ma sát

B. Lực kéo và lực nền

C. Chỉ lực nén

D. Chỉ trọng lực

Câu 191 **Máy Hill DT trong bài được dùng cho mục đích nào?**

A. Giảm áp cột sống

B. Đo huyết áp

C. Điều trị bằng tia hồng ngoại

D. Đo điện tim

Câu 192 **Giường máy giảm áp cột sống có đặc điểm gì?**

A. Chỉ dùng lực tay

B. Không điều chỉnh được liệu trình

C. Không có bộ phận theo dõi

D. Có cảm biến theo dõi bệnh nhân liên tục

Câu 193 **Đối với kéo giãn cột sống thắt lưng bằng giường kéo máy, lực nền bằng bao nhiêu phần trăm lực kéo?**

A. 50%

B. 10%

C. 100%

D. 25%

Câu 194 **Lực kéo thắt lưng bằng giường kéo máy thường khoảng bao nhiêu phần trăm trọng lượng cơ thể?**

A. 90%

B. 20%

C. 10%

D. 50%

Câu 195 **Lực kéo thắt lưng bằng giường kéo máy tối đa khoảng bao nhiêu phần trăm trọng lượng bệnh nhân?**

A. 50%

B. 100%

C. 70%

D. 30%

Câu 196 **Thời gian kéo thắt lưng bằng giường kéo máy là bao lâu?**

A. 30–50 giây

B. 15–20 phút

C. 45–60 phút

D. 5 phút

Câu 197 **Lực kéo thắt lưng bằng giường kéo tạ thường bằng bao nhiêu trọng lượng cơ thể?**

A. Toàn bộ

B. 1/10

C. 1/3

D. 1/2

Câu 198 **Kéo giãn cột sống cổ bằng giường kéo máy có lực nền bằng bao nhiêu phần trăm lực kéo?**

A. 50%

B. 10%

C. 25%

D. 100%

Câu 199 **Lực kéo cột sống cổ bằng giường máy khoảng bao nhiêu trọng lượng cơ thể?**

A. 1/5

B. 1/2

C. 2/3

D. 1/3

Câu 200 **Lực kéo cột sống cổ tối đa theo bài khoảng bao nhiêu phần trăm trọng lượng bệnh nhân?**

A. 30%

B. 70%

C. 100%

D. 50%

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — baitracnghiem.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — baitracnghiem.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app